TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: …../2025/HNGĐ-ST
Ngày 09/5/2025
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thịnh và ông Đào Đức Gương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên *tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXX/HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; HKTT: Thôn 5, Quảng Tín, Đăk R' Lấp, tỉnh Đăk Nông.(xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Doãn Văn Tr, sinh năm 1995; HKTT: Thôn V, xã D, huyện X, TP Hà Nội; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Chị với anh Doãn Văn Tr, sinh năm 1995; HKTT: Thôn Phượng Vũ, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về chung tại thôn Phượng Vũ, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phong tục tập quán, trong làm ăn kinh tế, hơn nữa chị nghi ngờ anh Trường không chung thuỷ,nên đến cuối năm 2017 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại

thôn 5, Quảng Tín, Đăk R’ Lấp, tỉnh Đăk Nông sinh sống. Mặc dù anh Tr có vào năn nỉ chị quay về nhưng quan điểm của chị là mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị không về

Nay chị làm đơn đề nghị Toà án cho tôi được ly hôn với anh Doãn Văn Tr do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, thời gian ly thân đã quá lâu. Do xác định vợ chồng không thể ở cùng nhau được nữa, hơn nữa đường xá xa xôi nên chị đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án ly hôn của chị.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Doãn Bảo Ng sinh ngày 25/11/2015, hiện nay cháu Ng đang ở cùng với anh Tr, ly hôn chị đề nghị anh Trường tiếp tục nuôi cháu Ng, chị và anh Tr tự thoả thuận cấp dưỡng nuôi con chung , không đề nghị Toà xét.

Tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh Tr không có tài sản chung, không có công nợ chung, nên không đề nghị Toà xét.

Do bận công việc, đường xá xa xôi nên chị xin vắng mặt tất cả cả buổi làm việc và buổi xét xử của Toà án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Doãn Văn Tr trình bày như sau:

Anh xác nhận anh với chị H kết hôn với nhau từ tháng 5 năm 2015 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn Phượng Vũ, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội đến nay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, bất đồng trong cách làm ăn kinh tế, hơn nữa chị H cứ ghen tuông nghi ngờ anh không chung thuỷ khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn trầm trọng cuối năm 2017 chị Hoa đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại Thôn 5, Quảng Tín, Đăk R’ Lấp, tỉnh Đăk Nông. Anh đã mấy lần vào gọi chị H về đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết không về.

Nay, chị Hoa xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Vợ chồng có một con chung Doãn Bảo Ng sinh ngày25/11/2015 hiện cháu Ngọc ở chung ở với anh, ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con con chung

Tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng anh không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để

thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đây đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghi Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoa; giao con chung của chị H anh Trường là cháu Doãn Bảo Ng sinh ngày25/11/2015 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,giáo dục, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hoa đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Về tán ản chung và công nợ không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Tháng 5/2015 chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Doãn Văn Tr là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm và không hòa hợp tính cách, hơn nữa vợ chồng chung sống không tin tưởng tôn trọng lẫn nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng đến năm 2017 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và làm đơn xin ly hôn anh Tr. Quá trình Toà án giải quyết anh Trường cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đồng ý ly hôn chị Hoa.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoa là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: vợ chồng có một con chung là Doãn Bảo Ng sinh ngày25/11/2015. Xét nguyện vọng của cháu Ng và cũng là nguyện vọng của chị

H anh Tr nên giao cháu Ng cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là hợp lẽ.

4.Về tài sản chung: Chị H, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về công nợ: Chị H, anh Tr xác nhận vợ chồng không vay mượn ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét, nếu sau khi ly hôn có tổ chức, các nhân nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. Về án phí*:* Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định. Căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì chị Hoa chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, ĐiỀu 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Doãn Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Hoa anh Trường là cháu Doãn Bảo Ng sinh ngày25/11/2015 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Hoa có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét,

Về công nợ chung: Chị H, anh Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0015805 ngày 14/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội*
- *VKSND huyện Phú Xuyên*
- *Chi cục THA huyện Phú Xuyên*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phùng Văn Phong

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:</u>
Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử

dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.
Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:
(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).
(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").
(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.
(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").
(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).
(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.
(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".
(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".
(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với

nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)